

Số: /2024/TT-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

THÔNG TƯ**Quy định về mẫu thẻ Căn cước, mẫu giấy Chứng nhận căn cước**

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày .. tháng .. năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về quy cách, ngôn ngữ khác, hình dáng, kích thước, chất liệu, nội dung của thẻ Căn cước; giấy Chứng nhận căn cước; việc mã hóa thông tin trong bộ phận lưu trữ của thẻ Căn cước và trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương trong việc sản xuất, cấp và quản lý thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Công dân Việt Nam; người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.
- Công an các đơn vị, địa phương.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác cấp, quản lý thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; công tác thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Chương II
MẪU THẺ CĂN CƯỚC**Điều 3. Quy cách thẻ căn cước**

- Hai mặt của thẻ căn cước in hoa văn màu xanh chuyển ở giữa màu vàng đến xanh. Nền mặt trước thẻ gồm: Bản đồ hành chính Việt Nam, trống đồng, các

hoa văn họa tiết truyền thống trang trí. Nền mặt sau thẻ căn cước gồm: Các hoa văn được kết hợp với hình ảnh hoa sen và các đường cong vắt chéo đan xen.

2. Quốc huy và ảnh của công dân được in màu trực tiếp trên thẻ căn cước.

3. Màu sắc của các thông tin trên thẻ căn cước

a) Dòng chữ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM; Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ “Identity Card”; biểu tượng chip; Số định danh cá nhân/No; Họ, chữ đệm và tên /Surname, given names; Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality; Nơi cư trú/ Place of Residence; Nơi đăng ký khai sinh/Place of birthday registration; Có giá trị đến/Date of expiry; Ngày, tháng, năm cấp/Date, month, year; BỘ CÔNG AN/MINISTRY OF PUBLIC SECURITY màu xanh;

b) Dòng chữ “CĂN CƯỚC”; dấu có hình Quốc huy của cơ quan cấp thẻ căn cước màu đỏ;

c) Số Căn cước; các thông tin của người được cấp thẻ Căn cước; ngày, tháng, năm hết hạn sử dụng; ngày, tháng, năm được cấp thẻ Căn cước; dòng MRZ, mã QR màu đen;

4. Mã QR: kích thước 11mm x 11mm, bao gồm những thông tin: Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân của chủ hộ, cha, mẹ, vợ, chồng, con; số Chứng minh nhân dân 9 số của người được cấp thẻ (nếu có); số định danh cá nhân đã hủy (nếu có).

Điều 4. Ngôn ngữ khác trên thẻ căn cước

Ngôn ngữ khác trên thẻ Căn cước là Tiếng Anh.

Điều 5. Hình dáng, kích thước, chất liệu thẻ căn cước

1. Thẻ căn cước hình chữ nhật, chiều rộng 53,98 mm $\pm$ 0,12 mm, chiều dài 85,6 mm $\pm$ 0,12 mm, độ dày 0,76 mm $\pm$ 0,08 mm, bốn góc được cắt tròn với bán kính $r = 3,18 \text{ mm} \pm 0,3 \text{ mm}$.

2. Thẻ căn cước được sản xuất bằng chất liệu nhựa, được bảo an.

Điều 6. Mã hóa thông tin trong bộ phận lưu trữ của thẻ căn cước

1. Bộ phận lưu trữ thông tin là mã QR code và chip điện tử được gắn ở mặt sau thẻ căn cước.

2. Thông tin lưu trữ trong chip điện tử của thẻ căn cước được thể hiện dưới định dạng ký tự (TEXT), hoặc định dạng ảnh (JPEG2K, WSQ, JPEG2K/PNG) và mã hóa bằng phương pháp sử dụng thuật toán và tham số mật mã do Ban Cơ yếu chính phủ đánh giá, thẩm định bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nội dung thẻ căn cước

1. Mặt trước thẻ căn cước gồm các thông tin sau:

(1) Đối với thẻ căn cước cấp cho công dân từ 6 tuổi trở lên:

- Bên trái, từ trên xuống: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đường kính 12 mm; ảnh của người được cấp thẻ Căn cước cỡ 20 x 30 mm; Có giá trị đến/Date of expiry;

- Bên phải, từ trên xuống: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM; Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ CĂN CƯỚC/Identity Card; Số định danh cá nhân/No; Họ, chữ đệm và tên /Surname, Given names; Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality.



(2) Đối với thẻ căn cước cấp cho công dân từ 0 - 6 tuổi:

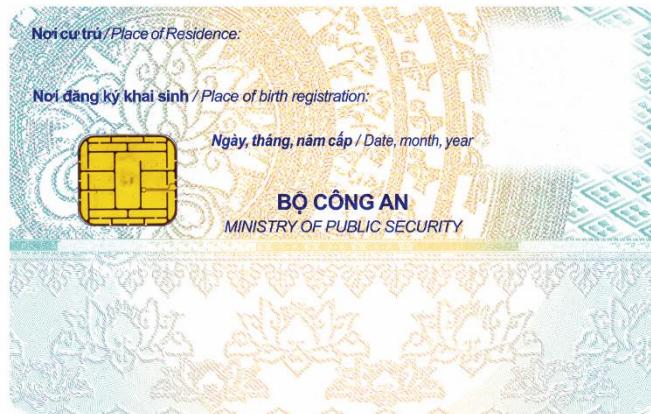
Từ trên xuống dưới, từ trái qua phải: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đường kính 12 mm; CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM; Independence - Freedom - Happiness; dòng chữ CĂN CƯỚC/Identity Card; Số định danh cá nhân/No; Họ, chữ đệm và tên /Surname, Given names; Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth; Giới tính/Sex; Quốc tịch/Nationality; Có giá trị đến/Date of expiry.



2. Mặt sau thẻ Căn cước gồm các thông tin sau:

Từ trên xuống dưới, từ trái qua phải: Nơi cư trú/Residence; Nơi đăng ký khai sinh/Place of birth registration; Chíp; Ngày, tháng, năm cấp/Date, month,

year; Mã QR; BỘ CÔNG AN/MINISTRY OF PUBLIC SECURITY; Bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa 03 Dòng MRZ.



Chương III **MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC**

Điều 8. Hình dáng, kích thước giấy Chứng nhận căn cước

Giấy chứng nhận căn cước có hình chữ nhật, kích thước 125 x 170 mm.

Điều 9. Quy cách giấy Chứng nhận căn cước

1. Nền mặt trước giấy chứng nhận căn cước gồm: Bản đồ hành chính Việt Nam in màu đỏ; trống đồng, các hoa văn họa tiết truyền thống trang trí in màu xanh.
2. Quốc huy được in màu trực tiếp trên giấy chứng nhận căn cước;
3. Dòng chữ “CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC”; dấu có hình Quốc huy của cơ quan cấp giấy Chứng nhận căn cước màu đỏ;

Điều 10. Chất liệu giấy Chứng nhận căn cước

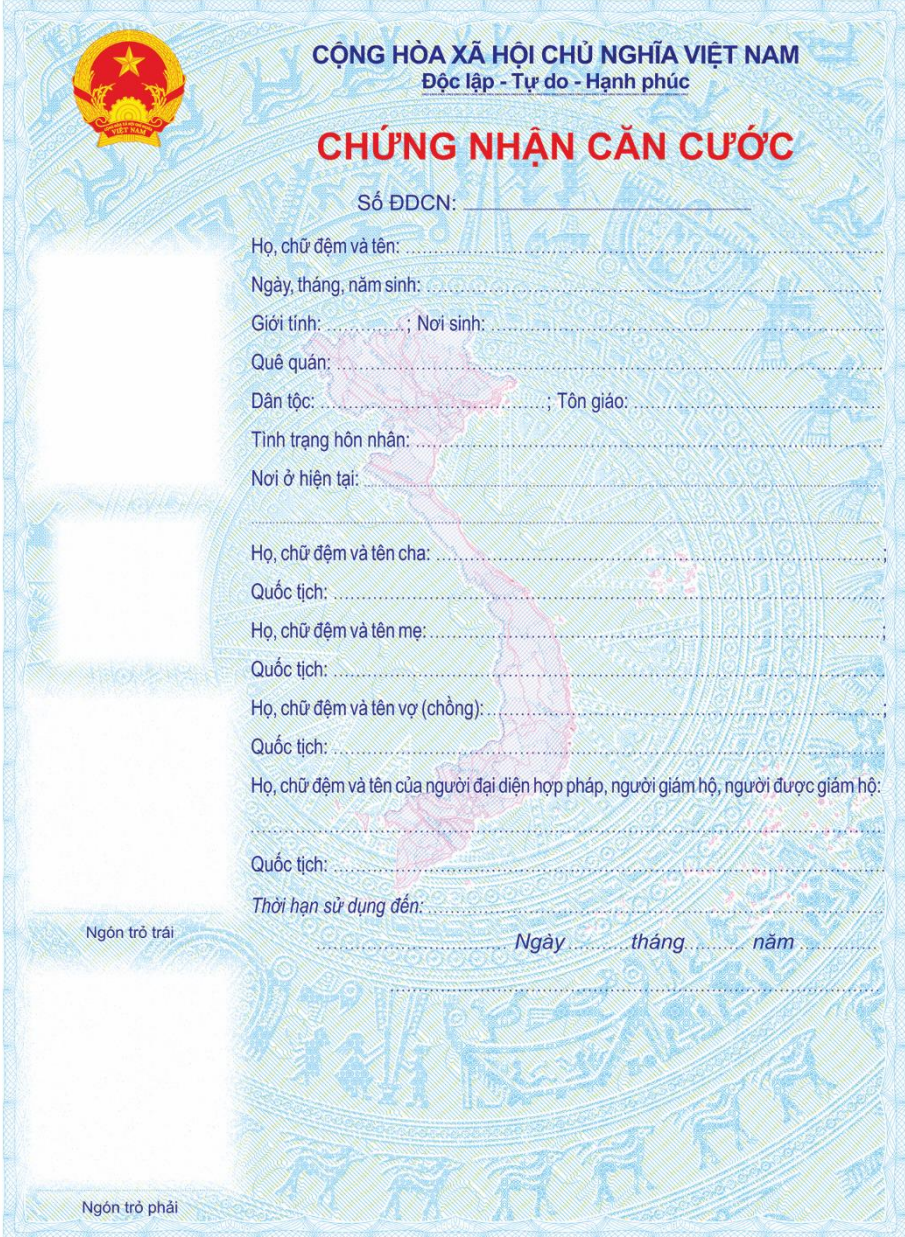
Giấy chứng nhận căn cước được sản xuất bằng chất liệu giấy, được bảo an.

Điều 11. Nội dung giấy Chứng nhận căn cước

- Bên trái từ trên xuống: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đường kính 15 mm; Ảnh của người được cấp giấy chứng nhận căn cước cỡ 25 x 33 mm; Mã QR code kích thước 18 x 18 mm; Ô vân tay ngón trỏ trái; Ô vân tay ngón trỏ phải.

- Bên phải từ trên xuống: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; Dòng chữ “CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC”; Số ĐDCN; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi sinh; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Tình trạng hôn nhân; Nơi ở hiện tại; Họ, chữ đệm và tên cha; Quốc tịch; Họ, chữ đệm và tên mẹ; Quốc tịch; Họ, chữ đệm và tên vợ (chồng); Quốc tịch; Họ, chữ đệm và tên của người đại diện hợp pháp, người giám hộ, người

được giám hộ; Quốc tịch; Thời hạn sử dụng đến; Ngày, tháng, năm; GIÁM ĐỐC CÔNG AN.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG NHẬN CĂN CƯỚC

Số ĐDCN: _____

Họ, chữ đệm và tên: _____

Ngày, tháng, năm sinh: _____

Giới tính: _____; Nơi sinh: _____

Quê quán: _____

Dân tộc: _____; Tôn giáo: _____

Tình trạng hôn nhân: _____

Nơi ở hiện tại: _____

Họ, chữ đệm và tên cha: _____

Quốc tịch: _____

Họ, chữ đệm và tên mẹ: _____

Quốc tịch: _____

Họ, chữ đệm và tên vợ (chồng): _____

Quốc tịch: _____

Họ, chữ đệm và tên của người đại diện hợp pháp, người giám hộ, người được giám hộ: _____

Quốc tịch: _____

Thời hạn sử dụng đến: _____ Ngày _____ tháng _____ năm _____

Ngon trở trái

Ngon trở phải

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
2. Thông tư số 06/2021/TT-BCA ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước công dân hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

a) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này;

b) Tiến hành xây dựng dự toán, kế hoạch và các thủ tục lựa chọn đơn vị sản xuất thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

c) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất, cấp thẻ Căn cước, sản xuất phôi giấy Chứng nhận căn cước; đảm bảo kỹ thuật, chất lượng, hình dáng, kích thước, nội dung, quy cách, chất liệu, ngôn ngữ khác quy định tại Thông tư này và đảm bảo yêu cầu an ninh, an toàn, bảo an, bảo mật thông tin, dữ liệu thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật;

d) Thống nhất quản lý việc sử dụng thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước trên toàn quốc;

đ) Tiếp nhận, thống kê số lượng mẫu thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước bị hỏng trong quá trình sản xuất, định kỳ hàng năm thực hiện thủ tục tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Cục Kế hoạch và Tài chính

a) Chủ trì tổ chức thẩm định dự toán, kế hoạch lựa chọn đơn vị và hướng dẫn các thủ tục tổ chức lựa chọn đơn vị, ký kết hợp đồng sản xuất, cấp thẻ Căn cước, phôi giấy chứng nhận Căn cước theo quy định;

b) Phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và các đơn vị có liên quan đảm bảo kinh phí cho sản xuất, cấp, quản lý thẻ căn cước, phôi giấy chứng nhận căn cước theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Viện Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện bảo an và phân tích, giám định, đề xuất xử lý thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước khi có dấu hiệu làm giả; quản lý hồ sơ kỹ thuật bảo an theo quy định;

b) Phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội đánh giá, kiểm tra tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng nguyên vật liệu để chế tạo, sản xuất thẻ Căn cước, phôi giấy Chứng nhận căn cước đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định;

c) Tổ chức nghiên cứu thiết kế thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo mật, bảo an đúng theo quy định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; bàn giao hồ sơ thiết kế kỹ thuật thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước cho Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội theo quy định pháp luật về tài liệu bảo an.

4. Trách nhiệm của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Định kỳ hàng năm, lập dự trù nhu cầu sử dụng thẻ Căn cước, giấy Chứng nhận căn cước của địa phương mình cho năm tiếp theo gửi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; theo thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý các sai phạm trong quá trình thực hiện Thông tư này.

5. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Công TTĐT Bộ Công an;
- Công báo;
- Lưu: VT, V03, C06 (TTDLDC).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm